

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-7-2022

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương;

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTPH; ĐKNKTT: Thôn A, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Số C, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh LQV; ĐKNKTT và trú tại: Số D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-7-2021; bản tự khai đề ngày 16-7-2021; Biên bản hòa giải ngày 17-3-2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị NTPH) trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Tôi (NTPH) và anh LQV kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, quận F (Chúng nhận kết hôn số 61 ngày 21-8-2020).

Trong quá trình chung sống , giữa tôi và anh LQV phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có tiếng nói chung và không có ý thức cùng nhau vun vén cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhưng hai bên không có cách giải quyết. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải, giúp đỡ và động viên rất nhiều nhưng không có kết quả gì. Tôi (NTPH) đã ra thuê nhà ở riêng, vợ chồng tự sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên tôi (NTPH) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh LQV.

Về con chung: Có một con chung là G, sinh ngày 05-9-2020, hiện tôi (NTPH) đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, tôi (NTPH) yêu cầu được nuôi con, khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì tôi và anh LQV sẽ tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Về tài sản: Tôi (NTPH) không yêu cầu Tòa án phải giải quyết về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Đối với bị đơn (anh LQV), tại Bản tự khai ngày 28-7-2021, Biên bản hòa giải ngày 17-3-2022 anh LQV trình bày: Tôi (LQV) và cô NTPH kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, quận F ngày 21-8-2020.

Trong quá trình chung sống , giữa tôi và cô NTPH có phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều vấn đề không cùng quan điểm và tính cách không hợp nhau. Tuy nhiên nhưng vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau để cùng chung sống, nuôi dạy con nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh LQV xác nhận vợ chồng có một con chung là G, sinh ngày 05-9-2020, hiện đang do chị NTPH đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh LQV đồng ý để chị NTPH được nuôi con, khoản tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Về tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho anh LQV vào các ngày 19-4-2022 và 27-4-2022 nhưng anh LQV đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh LQV vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ vợ chồng: NTPH được ly hôn với anh LQV.
- Về con chung: Giao cho chị NTPH trực tiếp nuôi con là G, sinh ngày 05-9-2020. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về chia tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị NTPH phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn (anh LQV) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn (chị NTPH) khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn đối với bị đơn (anh LQV) có địa chỉ cư trú tại phường E, quận F nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh LQV và chị NTPH kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, Hải Phòng theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 21-8-2020).

[4] Nguyên đơn (chị NTPH) trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng trong quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không có khả năng khắc phục nên chị NTPH đã đi thuê nhà ở riêng. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Xét thấy tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị NTPH yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh LQV.

[5] Về phía bị đơn trình bày trong Bản tự khai ngày 28-7-2021 và Biên bản hòa giải ngày 17-3-2022 xác nhận mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên bị đơn nhận thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

[6] Xét thấy, chị NTPH và anh LQV cùng trình bày và xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và hai bên đã tự sống ly thân. Việc anh LQV có đề nghị Tòa án hòa giải nhưng tại các phiên hòa giải ngày 19-4-2022 và 27-4-2022

anh LQV đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh LQV vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do chứng tỏ việc anh LQV không thực sự quan tâm và mong muốn cải thiện quan hệ vợ chồng. Do vậy cần xác định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị NTPH và anh LQV đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm đối với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử: nguyên đơn (chị NTPH) được ly hôn với bị đơn (anh LQV).

[7] Về con chung: Chị NTPH và anh LQV đều xác nhận có một con chung là G, sinh ngày 05-9-2020. Ly hôn, chị NTPH và anh LQV thống nhất có ý kiến để chị NTPH được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Xét thấy: Chị NTPH và anh LQV đều đã thống nhất có ý kiến về việc để chị NTPH được trực tiếp nuôi con là G. Ý kiến thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế. Do vậy cần giao cho chị NTPH trực tiếp nuôi con là G.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do nguyên đơn và bị đơn đều có ý kiến tự đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[10] Về tài sản chung: Chị NTPH và anh LQV không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị NTPH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị NTPH được ly hôn với anh LQV.

- Về con chung: Giao cho chị NTPH trực tiếp nuôi dưỡng con là G, sinh ngày 05-9-2020. Thời hạn nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản: Các bên đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn (chị NTPH) phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2016, số 0010274 ngày 16-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng; chị NTPH đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường E (Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 21-8-2020);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Kiên